

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn CIENCO4

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn CIENCO4;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn CIENCO4 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn CIENCO4 gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định về tổ chức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và các kiểm soát viên của Tập đoàn CIENCO4.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các kiểm soát viên Tập đoàn CIENCO4.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

“Tập đoàn CIENCO4” hoặc “Tập đoàn” có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 .

“Điều lệ” có nghĩa là Điều lệ của Tập đoàn.

“HDQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị Tập đoàn.

“BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát Tập đoàn.

“ĐHĐCĐ” có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tập đoàn.

“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13, ngày 17/6/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên đảm bảo các tiêu chí theo Điều lệ hoạt động của Tập đoàn, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm, phù hợp với nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn; kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban kiểm soát có một (01) thành viên hoạt động chuyên trách vừa làm Trưởng ban, hai (02) thành viên còn lại hoạt động bán chuyên trách.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại từ Điều 168 đến Điều 174 của Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Tập đoàn, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, tính trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại các cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn theo yêu cầu của cổ đông.

13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

14. Thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

16. Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn theo quy định tại Điều 37- Điều lệ Tập đoàn.

17. Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong các hoạt động.

18. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban kiểm soát

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban kiểm soát;

2. Tham dự các cuộc họp giao ban thường xuyên và đột xuất của Tập đoàn; tham dự các cuộc họp HĐQT khi được mời. Thông báo tới các thành viên kết quả các cuộc họp mà mình được mời tham gia (nếu thấy cần thiết);

3. Soát xét các báo cáo liên quan của BKS gửi HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thay mặt BKS ký thay các văn bản và báo cáo của BKS;
4. Chủ trì việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tập đoàn;
5. Chủ trì thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng giám đốc; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm của Tập đoàn để trình ĐHĐCĐ thường niên và đột xuất;
6. Chủ trì trong việc đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc kiểm toán.
7. Chủ trì các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của BKS. Thông báo kết quả kiểm tra tới cổ đông nếu cuộc kiểm tra đó do cổ đông đủ điều kiện yêu cầu;
8. Kiểm soát các hoạt động liên quan tới cơ cấu tổ chức, lao động tiền lương, quản trị văn phòng, thi đua khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, tuyển dụng, an toàn lao động và các chế độ của người lao động.
9. Chủ trì thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS, của Luật Doanh nghiệp và pháp luật nhà nước.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm soát viên

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS và phân công nhiệm vụ của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông.
2. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường theo điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế này.
3. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Tập đoàn cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
4. Báo cáo Trưởng BKS về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc những vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Tập đoàn mà mình cho là cần thiết.
5. Tham dự các cuộc họp của BKS, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.
6. Tham dự các cuộc họp HĐQT khi được yêu cầu, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ nếu thấy cần thiết.
7. Nghĩa vụ của kiểm soát viên
 - a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn và các cổ đông.

c) Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

e) Trường hợp phát hiện có kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, kể cả đền bù vật chất (nếu có).

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 8. Chế độ làm việc và các cuộc họp của BKS

1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát, kiểm tra theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của BKS.

2. Trưởng BKS lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc khi cần kiểm tra đột xuất để phát hiện những sai sót giúp Tập đoàn khắc phục kịp thời. Các kiểm soát viên căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình đó.

3. Các cuộc họp của BKS: Trưởng BKS triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của BKS, trường hợp vắng mặt, Trưởng BKS ủy quyền cho một thành viên BKS thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của BKS. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên BKS có mặt. Các cuộc họp của BKS được thông báo tới các thành viên BKS về thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp trước ít nhất 03 ngày làm việc, đồng thời được gửi thông báo tới HĐQT, Tổng giám đốc của Tập đoàn biết. HĐQT, Tổng giám đốc có thể tham dự các cuộc họp của BKS

nếu thấy cần thiết nhưng không làm thay đổi nội dung cuộc họp cũng như ảnh hưởng đến tính độc lập trong thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Các vấn đề được thông qua khi có ít nhất 2/3 thành viên BKS đồng ý, thành viên không đồng ý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có thể trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ nếu thấy cần thiết và nghiêm trọng.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát gồm:

- Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý một lần.
- Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:

- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- + Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị;
- + Trưởng Ban kiểm soát;
- + Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên BKS;
- + Tổng giám đốc.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, HĐQT và các thành viên BKS tiến hành triệu tập họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban.

4. Mọi vụ việc kiểm tra của Ban kiểm soát phải được Trưởng BKS phê duyệt mới được thực hiện. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát phải tuân thủ các quy định, quy trình kiểm soát.

5. Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong BKS và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến và có quyền báo cáo Đại hội đồng cổ đông về ý kiến riêng của mình.

Điều 9. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

- Tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra kiểm soát theo quy định của pháp luật;
- Các thông tin, báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi các cơ quan quản lý Nhà nước phải được Trưởng BKS kiểm tra, ký ban hành. Những nội dung liên quan đến ĐHĐCĐ phải được ĐHĐCĐ thông qua mới được ban hành.

2. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:

- Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường theo quy định trong Điều lệ Tập đoàn;

- Ban kiểm soát chỉ thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và những nội dung đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

- BKS giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT vào cùng một thời điểm. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- Ban kiểm soát thông báo với HĐQT kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra kiểm soát.

- Ban kiểm soát có thể tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát khi HĐQT yêu cầu;

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Tập đoàn về các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình lên ĐHĐCĐ phải được gửi cho BKS trước ít nhất là 5 ngày trước ngày tổ chức đại hội để thẩm định.

- Ban kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của BKS trước khi gửi lên ĐHĐCĐ.

4. Quan hệ với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các phòng, ban, các đơn vị phụ thuộc:

- Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- Định kỳ hàng quý khi Tổng giám đốc gửi báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch hàng quý, năm cho HĐQT thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản báo cáo;

- Tổng giám đốc thông báo ngay cho BKS khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

5. Mối quan hệ giữa các kiểm soát viên:

Các kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các kiểm soát viên.

Điều 10. Chi phí hoạt động, thù lao của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát được bố trí phòng làm việc, các phương tiện, dụng cụ cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ của mình theo điều kiện chung của Tập đoàn;
- Kiểm soát viên được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Kiểm soát viên được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ thực hiện các nhiệm vụ của BKS và của Tập đoàn. Chi phí này được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Điều 11. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tập đoàn.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 12. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi HĐQT để trình ĐHĐCĐ phê chuẩn;

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 174 của Luật doanh nghiệp.

3. Bổ sung Kiểm soát viên: Trong nhiệm kỳ có khuyết Kiểm soát viên thì cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết 2/3 Kiểm soát viên trở lên thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

4. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì trong vòng 30 ngày, Ban Kiểm soát phải họp để bầu Trưởng Ban Kiểm soát mới.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế:

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, các cổ đông, các tổ chức, phòng, ban, đơn vị cần có văn bản phản ánh kịp thời để Ban Kiểm soát nghiên cứu, xem xét sửa đổi hoặc bổ sung.

2. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này phải được các thành viên Ban kiểm soát thông qua bằng Nghị quyết (hoặc Biên bản cuộc họp) khi xét thấy có những điều khoản quy định trong Quy chế này không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Tập đoàn.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được hiểu là phải áp dụng thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các luật khác liên quan hiện hành. Trường hợp những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 14. Hiệu lực thi hành:

Bản Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn CIENCO4 gồm 3 Chương, 14 Điều và có hiệu lực kể từ ngày 29/4/2021./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đào Thị Thanh Mai